

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **10/2024/DS-ST**
Ngày 25-3-2024
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Vinh;
- Bà Hoàng Thị Trang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: Số B L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H, chức vụ: Quyền trưởng phòng KHKD Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2023). Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:*

Ngày 24/4/2018, Ngân hàng N (nguyên đơn) có ký kết với ông Nguyễn Thanh H1 (bị đơn) theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201801450 ngày 24/4/2018 vay với số tiền là 200.000.000 đồng; thời hạn vay 13 tháng; lãi suất 11%/năm; lãi suất quá hạn là 16.5%/năm, mục đích sử dụng để chăm sóc cà phê, hồ tiêu, chăn nuôi. Kỳ hạn trả nợ: 02 kỳ, kỳ 1: ngày 23/4/2020 là 10.000.000 đồng và kỳ 2: ngày 26/4/2020 là 190.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bị đơn ký kết với nguyên đơn Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/TC/2018 ngày 20/4/2018 thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 5869, tờ bản đồ số 21, diện tích 4431.7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695514 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/4/2018 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thu H3; Địa chỉ thửa đất tại: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình vay thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn 11.150.684 đồng tiền lãi và chưa trả được tiền gốc nào. Đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán số nợ gốc cho nguyên đơn và đã vi phạm hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 25/3/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 342.363.483 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính tới ngày 25/3/2024 là 142.363.483 đồng.

Nguyên đơn đã liên tục nhắc nhở, đôn đốc nhưng bị đơn vẫn không thanh toán khoản vay trên cho nguyên đơn, do đó nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 342.363.483 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính tới ngày 25/3/2024 là 142.363.483 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/3/2024 cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn. Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay cho nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay trên.

** Đối với bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để thông báo cho ông H1 tham gia tố tụng nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không lấy được lời khai của ông H1.*

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 299, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/TC/2018 ngày 20/4/2018 đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201801450 ngày 24/4/2018 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201801450 ngày 24/4/2018, thì bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 vay của nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng; lãi suất 11%/năm; lãi suất quá hạn là 16.5%/năm, mục đích sử dụng để chăm sóc cà phê, hồ tiêu, chăn nuôi. Kỳ hạn trả nợ: 02 kỳ, kỳ 1: ngày 23/4/2020 là 10.000.000 đồng và kỳ 2: ngày 26/4/2020 là 190.000.000 đồng. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng thời hạn và nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Dư nợ tính đến ngày 25/3/2024 là 342.363.483 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính tới ngày 25/3/2024 là 142.363.483 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung hợp

đồng tín dụng đã xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 25/3/2024 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 142.363.483 đồng tiền lãi là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về biện pháp bảo đảm: Bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/TC/2018 ngày 20/4/2018 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695514 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/4/2018, thửa đất số 5869, tờ bản đồ số 21, diện tích 4431.7m² mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thu H3; Địa chỉ thửa đất tại: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 5869, tờ bản đồ số 21, diện tích 4431.7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695514 là có căn cứ và cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức 342.363.483 đồng x 5% = 17.118.000 đồng (đã làm tròn) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 299, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay tính đến ngày 25/3/2024 gồm: nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 142.636.389 đồng, tổng cộng là 342.636.389 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201801450 ngày 24/4/2018.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Thanh H1 sau khi ông Nguyễn Thanh H1 trả hết nợ. Nếu ông Nguyễn Thanh H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/TC/2018 ngày 20/4/2018 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 695514 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/4/2018, thửa đất số 5869, tờ bản đồ số 21, diện tích 4431.7m² mang tên hộ bà Nguyễn Thị Thu H3;

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà giá trị không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Thanh H1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.118.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm mười tám nghìn đồng*). Ngân hàng

N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.185.479 đồng (*Tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng*) theo biên lai số AA/2021/0017856 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định